

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2020

V/v: “*Ly hôn giữa chị D
và anh T*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

2. Bà **Nguyễn Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thùy D**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Hoài T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Thùy D trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2003 chị và anh Bùi Hoài T quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau nên vào năm 2008 chị và anh T cưới nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 05/5/2009. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống và làm việc tại khu phố 3, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đến năm 2018 về nhà cha, mẹ chồng tại ấp Đông Hòa, xã Đông Hiệp,

huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ sinh sống. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T đam mê cờ bạc, làm được bao nhiêu tiền thì tiêu vào cờ bạc hết, không chăm lo gì cho vợ, con. Khi thấy anh T xa ngã, chị đã khuyên can và anh T thay đổi được khoảng một năm thì tiếp tục cờ bạc, chị tiếp tục khuyên can nhưng lần này anh T không sửa đổi và ngày càng tệ hơn. Do thương con chị cố gắng nhẫn nhịn và cùng anh T về nhà cha, mẹ chồng sinh sống, mong muốn anh T sửa đổi. Tuy nhiên, anh T vẫn không sửa đổi. Cho nên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến vào tháng 01/2020 chị phải về nhà cha, mẹ chị sống. Từ đó đến nay, anh T không lần nào đến thăm chị và con và có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Thị Khánh Châu (nữ), sinh ngày 24/3/2009; Bùi Gia Khang (nam), sinh ngày 16/6/2011, hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Hoài T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thùy D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thùy D khởi kiện anh Bùi Hoài T có địa chỉ tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu ly hôn và được nuôi con chung sau khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, anh Bùi Hoài T được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thùy D và anh Bùi Hoài T cưới nhau vào năm 2008, đến năm 2009 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Trong thời kỳ hôn nhân, chị D khai, chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T đam mê cờ bạc, làm được bao nhiêu tiền thì tiêu vào cờ bạc hết, không chăm lo gì cho vợ, con, chị khuyên can nhưng anh T không sửa đổi. Sự việc kéo dài đến tháng 01/2020 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị đã về nhà cha, mẹ chị sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T. Còn anh T, mặc dù đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để giải quyết, nhưng anh vẫn không đến và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân muốn đem lại hạnh phúc lâu dài cho cả hai vợ chồng và các con sau này thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh T có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Điều này cho thấy, đời sống chung giữa chị D và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Ngoài ra, anh T cũng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến được hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thùy D yêu cầu được nuôi hai con tên Bùi Thị Khánh Châu, Bùi Gia Khang. Xét thấy, Khánh Châu và Gia Khang hiện do chị D nuôi dưỡng và chị D có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Khánh Châu và Gia Khang. Ngoài ra, Khánh Châu và Gia Khang cũng có nguyện vọng sống chung với chị D. Cho nên, Hội đồng xét xử giao Khánh Châu và Gia Khang cho anh chị D nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thùy D không yêu cầu anh Bùi Hoài T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thùy D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thùy D đối với anh Bùi Hoài T.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thùy D và anh Bùi Hoài T.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung tên Bùi Thị Khánh Châu (nữ), sinh ngày 24/3/2009; Bùi Gia Khang (nam), sinh ngày 16/6/2011 cho chị Bùi Thùy D nuôi dưỡng. Anh Bùi Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Bùi Hoài T, không ai được phép cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là tự thỏa thuận, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thùy D phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai số 013005 ngày 20 tháng 02 năm 2020 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đông Hiệp,
huyện Cờ Đỏ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang

